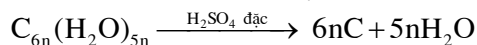


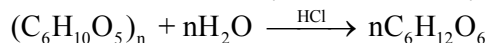
Câu 109. Giải thích nào sau đây là không đúng?

A. Rót H_2SO_4 đặc vào vải sợi bông, vải bị đen và thủng ngay là do p/ứng:



B. Tinh bột có phản ứng màu với I_2 vì có cấu trúc mạch không phân nhánh.

C. Rót HCl đặc vào vải sợi bông, vải mủn dần rồi mới bục ra là do p/ứng:



D. Tinh bột và xenlulozơ không thể hiện tính khử vì trong phân tử hầu như không có nhóm -OH hemiaxetal tự do

Câu 110. Mật ong có vị ngọt đậm là do trong mật ong có nhiều:

A. saccarozơ.

B. fructozơ.

C. glucozơ.

D. Mantozơ.

Câu 111. Saccarozơ và mantozơ sẽ tạo ra sản phẩm giống nhau khi tham gia phản ứng nào sau đây?

A. Tác dụng với $\text{Cu}(\text{OH})_2$.

B. Tác dụng với dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$.

C. Đốt cháy hoàn toàn.

D. Thủy phân.

Câu 112. Saccarozơ có thể tác dụng được với chất nào sau đây:

(1) $\text{H}_2/\text{Ni}, t^0$;

(2) $\text{Cu}(\text{OH})_2$;

(3) $[\text{Ag}(\text{NH}_3)_2]\text{OH}$;

(4) $\text{CH}_3\text{COOH}/\text{H}_2\text{SO}_4$ đặc;

(5) $\text{CH}_3\text{OH}/\text{HCl}$.

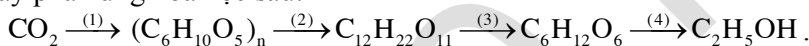
A. (2), (4).

B. (2), (4), (5).

C. (1), (4), (5).

D. (1), (2), (5).

Câu 113. Cho dãy phản ứng hoá học sau:



Các giai đoạn có thể thực hiện nhờ xúc tác axit là.

A. (2), (3), (4).

B. (1), (2), (3).

C. (2), (3).

D. (1), (2), (4).

Câu 114. Từ 1 tấn mùn cưa chứa 50% xenlulozơ điều chế được bao nhiêu kg etanol. Biết hiệu suất của mỗi quá trình thủy phân xenlulozơ và lên men glucozơ đều đạt 70%.

A. 283,94.

B. 240,5.

C. 139,13.

D. 198,76.

Câu 115. Glucozơ và fructozơ không có tính chất nào sau đây?

A. Phản ứng thủy phân.

B. Tính chất của nhóm chức anđehit.

C. Phản ứng với $\text{CH}_3\text{OH}/\text{HCl}$.

D. Tính chất của polioliol.

Câu 116. Gluxit X có công thức đơn giản nhất là CH_2O phản ứng được với $\text{Cu}(\text{OH})_2$ cho chất lỏng xanh lam. Đem 1,2 gam X thực hiện phản ứng tráng gương tạo ra 0,016 mol bạc. X có công thức phân tử.

A. $\text{C}_6\text{H}_{12}\text{O}_6$.

B. $\text{C}_5\text{H}_{10}\text{O}_5$.

C. $\text{C}_{12}\text{H}_{22}\text{O}_{11}$.

D.

$(\text{C}_6\text{H}_{10}\text{O}_5)_n$.

Câu 117. Đốt cháy hoàn toàn 9 gam hợp chất hữu cơ X (chứa C, H, O và $M_X < 200$) rồi cho toàn bộ sản phẩm cháy hấp thụ hết vào bình chứa 2 lít dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$ 0,1M. Sau thí nghiệm, khối lượng bình tăng 18,6 gam và có 0,1 mol kết tủa. Lọc lấy dung dịch và đem đun nóng lại thấy xuất hiện kết tủa. Mặt khác 1,8 gam X phản ứng với lượng dư dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ được 0,02 mol Ag. Công thức của X là.

A. HCHO .

B. $\text{HOC}_2\text{H}_4\text{CHO}$.

C. $\text{C}_{12}\text{H}_{22}\text{O}_{11}$.

D. $\text{C}_6\text{H}_{12}\text{O}_6$.

Câu 118. Xenlulozơ tác dụng với $(\text{CH}_3\text{CO})_2\text{O}$ (xúc tác H_2SO_4 đặc) tạo ra 9,84 gam este axetat và 4,8 gam CH_3COOH . Công thức của este axetat đó là.

A. $[\text{C}_6\text{H}_7\text{O}_2(\text{OOCCH}_3)_3]_n$ và $[\text{C}_6\text{H}_7\text{O}_2(\text{OOCCH}_3)\text{OH}]_n$.

B.

C. $[\text{C}_6\text{H}_7\text{O}_2(\text{OOCCH}_3)(\text{OH})_2]_n$.

D.

$[\text{C}_6\text{H}_7\text{O}_2(\text{OOCCH}_3)_2\text{OH}]_n$.

Câu 119. Cho m gam tinh bột lên men thành ancol (ancol) etylic với hiệu suất 81%. Toàn bộ lượng CO_2 sinh ra được hấp thụ hoàn toàn vào dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$, thu được 550 gam kết tủa và dung dịch X. Đun kỹ dung dịch X thu thêm được 100 gam kết tủa. Giá trị của m là.

A. 650.

B. 750.

C. 810.

D. 550.

Câu 120. Có một số polime như polietilen, poli (vinyl clorua), poli (hexametylen adipamit), xenlulozơ. Khi đốt cháy một loại polime nào đó trong số các polime trên người ta chỉ thu được khí CO₂ và hơi H₂O với tỉ lệ số mol là 1 : 1. Polime đó là.

- A. poli (vinyl clorua). B. xenlulozơ.
 C. poli (hexametylen adipamit). D. polietilen.

Câu 121. Nhận định nào sau đây không đúng?

- A. Nước ép chuối chín cho phản ứng tráng gương.
 B. Nhỏ vài giọt dung dịch I₂ vào mặt mới cắt của quả chuối chín thấy có màu xanh.
 C. Miếng cơm cháy vàng ở đáy nồi hơi ngọt hơn cơm phía trên.
 D. Khi ăn cơm nếu nhai kĩ sẽ thấy vị ngọt.

Câu 122. Nhận định nào sau đây không đúng?

- A. Saccarozơ là nguyên liệu trong công nghiệp tráng gương vì dd saccarozơ khử được phức bạc amoniac.
 B. Khử tạp chất có trong nước đường bằng vôi sữa.
 C. Saccarozơ là thực phẩm quan trọng của con người, làm nguyên liệu trong công nghiệp dược, thực phẩm, tráng gương, phích.
 D. Tẩy màu của nước đường bằng khí SO₂ hay NaHSO₃.

Câu 123. Để chứng minh trong phân tử của glucozơ có nhiều nhóm hidroxyl, người ta cho dung dịch glucozơ phản ứng với.

- A. Cu(OH)₂ ở nhiệt độ thường. B. kim loại Na.
 C. Cu(OH)₂ trong NaOH, đun nóng. D. AgNO₃ (hoặc Ag₂O) trong dung dịch NH₃, đun nóng.

Câu 124. Tính khối lượng glucozơ trong nước quả nho để sau khi lên men cho ta 100 lít rượu vang 10°. Biết hiệu suất phản ứng lên men đạt 95%, khối lượng riêng của rượu etylic là 0,8 g/ml.

- A. 32,95 kg B. 15,60 kg C. 31,30 kg D. 16,50 kg

Câu 125. Xenlulozơ trinitrat được điều chế từ xenlulozơ và axit nitric đặc có xúc tác axit sunfuric đặc, nóng. Để có 29,7 kg xenlulozơ trinitrat, cần dùng dd chứa m kg axit nitric (hiệu suất phản ứng đạt 90%). Giá trị của m là

- A. 21 kg. B. 10 kg. C. 42 kg. D. 30 kg.

Câu 126. Thủy phân hoàn toàn 34,2 gam saccarozơ. Lấy toàn bộ sản phẩm của phản ứng thủy phân cho tác dụng với lượng dư dung dịch AgNO₃/NH₃ thì thu được a gam kết tủa, còn nếu cho toàn bộ lượng sản phẩm này tác dụng với dung dịch nước brom dư, thì đã có b gam brom tham gia phản ứng. Các giá trị a và b bằng :

- A. 21,6 gam; 16 gam B. 43,2 gam; 32 gam C. 21,6 gam; 32 gam D. 43,2 gam; 16 gam

Câu 127. Thủy phân hoàn toàn 34,2 gam mantozơ. Lấy toàn bộ sản phẩm của phản ứng thủy phân cho tác dụng với lượng dư Cu(OH)₂ trong dd NaOH nóng thì thu được a gam kết tủa, còn nếu cho toàn bộ lượng sản phẩm này tác dụng với dung dịch nước brom dư, thì đã có b gam brom tham gia phản ứng. Các giá trị a và b bằng:

- A. 14,4 gam; 16 gam B. 28,8 gam; 16 gam C. 14,4 gam; 32 gam D. 28,8 gam; 32 gam

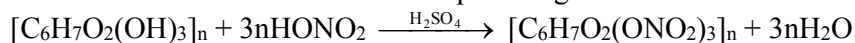
Câu 128. Tinh bột, xenlulozơ, saccarozơ, mantozơ đều có khả năng tham gia phản ứng

- A. thủy phân. B. trùng ngưng. C. tráng gương. D. Cu(OH)₂

Câu 129. Giải thích nào sau đây là **không** đúng?

- A. H₂SO₄ đặc tiếp xúc với sợi bông, nó bị đen do phản ứng: $(C_6H_{10}O_5)_n \xrightarrow{H_2SO_4 \text{ đ}} nC + 5nH_2O$
 B. Rót HCl đặc vào vải sợi bông, vải mủn dần rồi mới bục ra do p/ứng: $(C_6H_{10}O_5)_n + nH_2O \xrightarrow{HCl} nC_6H_{12}O_6$
 C. Xenlulozơ hình thành xenlulozơ triaxetat nhờ phản ứng
 $[C_6H_7O_2(OH)_3]_n + 3nCH_3COOH \rightarrow [C_6H_7O_2(OOCCH_3)_3]_n + 3nH_2O$

D. Xenlulozơ hình thành xenlulozơ trinitrat nhờ phản ứng



Câu 130. Phát biểu nào dưới đây là **không** đúng ?

- A. Có thể phân biệt tinh bột và xenlulozơ bằng dung dịch I₂.
- B. Có thể phân biệt glucozơ và fructozơ bằng dung dịch nước brom.
- C. Có thể phân biệt mantozơ và fructozơ bằng Cu(OH)₂ trong dung dịch NaOH nóng.
- D. Có thể phân biệt saccarozơ và mantozơ bằng dung dịch AgNO₃ trong NH₃.

Câu 131. Saccarozơ và mantozơ sẽ tạo sản phẩm giống nhau khi tham gia phản ứng nào dưới đây ?

- A. Tác dụng với dd AgNO₃ trong NH₃
- B. Thủy phân
- C. Tác dụng với Cu(OH)₂
- D. Đốt cháy hoàn toàn

Câu 132. Cho dãy các chất : C₂H₂, HCHO, HCOOH, CH₃CHO, (CH₃)₂CO, C₁₂H₂₂O₁₁ (mantozơ). Số chất trong dãy tham gia được phản ứng tráng gương là

- A. 3
- B. 4
- C. 6
- D. 5

Câu 133. Phát biểu nào dưới đây về ứng dụng của xenlulozơ là **không** đúng ?

- A. Xenlulozơ dùng làm nguyên liệu sản xuất ancol etylic
- B. Xenlulozơ dùng làm một số tơ tự nhiên và nhân tạo.
- C. Xenlulozơ dùng làm thực phẩm cho con người.
- D. Xenlulozơ dùng làm vật liệu xây dựng, đồ dùng gia đình, sản xuất giấy, ...

Câu 134. Lượng glucozơ cần dùng để tạo ra 1,82 gam sobitol với hiệu suất 80% là

- A. 2,25 gam
- B. 1,82 gam
- C. 1,80 gam
- D. 1,44 gam

Câu 135. Đun nóng dung dịch có 8,55 gam cacbohidrat A với lượng nhỏ HCl. Cho sản phẩm thu được tác dụng với lượng dư AgNO₃/NH₃ hình thành 10,8 gam Ag kết tủa. A có thể là :

- A. xenlulozơ.
- B. fructozơ.
- C. glucozơ.
- D. saccarozơ.

Câu 136. Khối lượng của tinh bột cần dùng trong quá trình lên men để tạo thành 5 lít rượu (ancol) etylic 460 là (biết hiệu suất của cả quá trình là 72% và khối lượng riêng của rượu etylic nguyên chất là 0,8 g/ml)

- A. 6,0 kg
- B. 4,5 kg
- C. 5,0 kg
- D. 5,4 kg

Câu 137. Mô tả nào dưới đây là **không** đúng ?

- A. Glucozơ là chất rắn, dạng tinh thể, không màu, tan trong nước.
- B. Glucozơ còn có tên gọi là đường nho, fructozơ được gọi là đường mật ong.
- C. Glucozơ có mặt trong hầu hết các bộ phận của cây, nhất là trong quả chín; có khoảng 0,1% trong máu người.
- D. Glucozơ và fructozơ đều có vị ngọt và ngọt nhiều hơn đường mía.

Câu 138. Thủy phân hoàn toàn 8,55 gam saccarozơ, sản phẩm sinh ra cho tác dụng với lượng dư đồng (II) hiđroxit trong dung dịch xút nóng. Khối lượng kết tủa đồng(I) oxit thu được khi phản ứng xảy ra hoàn toàn bằng :

- A. 3,60 gam
- B. 7,20 gam
- C. 1,44 gam
- D. 14,4 gam

Câu 139. Cacbohidrat Z tham gia chuyển hóa: Z → dung dịch xanh lam → kết tủa đỏ gạch.

Cacbohidrat Z **không** thể là chất nào trong các chất cho dưới đây ?

- A. Mantozơ
- B. Fructozơ
- C. Glucozơ
- D. Saccarozơ

Câu 140. Thể tích dung dịch HNO₃ 67,5% (khối lượng riêng là 1,5 g/ml) cần dùng để tác dụng với xenlulozơ tạo thành 89,1 kg xenlulozơ trinitrat là (biết lượng HNO₃ bị hao hụt là 20%)

- A. 55 lít
- B. 70 lít
- C. 81 lít
- D. 49 lít

Câu 141. Cho các chất : rượu (ancol) etylic, glixerin (glixerol), glucozơ, dimetyl ete và axit fomic. Số chất tác dụng được với Cu(OH)₂ là :

- A. 1
- B. 3
- C. 4
- D. 2

Câu 142. Xác định phát biểu nào dưới đây là **không** đúng.

- A. Có thể phân biệt glixerol và lòng trắng trứng bằng phản ứng màu với dung dịch HNO₃ đặc
- B. Có thể phân biệt dầu mỡ động thực vật và dầu mỡ bôi trơn máy bằng dung dịch NaOH nóng.

C. Có thể phân biệt fructozơ và axit fomic bằng phản ứng tráng gương.

D. Có thể phân biệt da thật và da giả (làm từ PVC) bằng cách đốt cháy và hấp thụ sản phẩm cháy vào dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{HNO}_3$.

Câu 143. Hòa tan m gam hỗn hợp saccarozơ và mantozơ vào nước thu được dung dịch A. Chia A thành hai phần bằng nhau. Phần thứ nhất tác dụng với lượng dư dung dịch AgNO_3 trong NH_3 , thu được 10,8 gam kết tủa. Phần thứ hai đun hồi lâu trong môi trường axit (HCl loãng) thu được dung dịch B. Dung dịch B phản ứng vừa hết với 40 gam Br_2 trong dung dịch. Giả thiết các phản ứng đều xảy ra hoàn toàn. Khối lượng m bằng :

A. 68,4 gam

B. 273,6 gam

C. 205,2 gam

D. 136,8 gam

Câu 144. Cho 360 gam glucozơ lên men thành ancol etylic (giả sử chỉ xảy ra phản ứng tạo thành ancol etylic). Hô hấp thu được bao nhiêu ml ancol etylic nguyên chất ($d = 0,8 \text{ g/ml}$), biết hiệu suất phản ứng là 65%.

A. 149,5 ml.

B. 119,6 ml.

C. 95,68 ml.

D. 226,46 ml.

Câu 145. Lấy 34,2 gam gluxit X trộn với 65,8g dung dịch H_2SO_4 loãng (t^0). Phản ứng kết thúc thu được 2 chất hữu cơ đồng phân A và B. Công thức của X và nồng độ % của A trong dung dịch thu được là

A. $\text{C}_{18}\text{H}_{32}\text{O}_{16}$ và 18%.

B. $\text{C}_{12}\text{H}_{22}\text{O}_{11}$ và 15%.

C. $\text{C}_6\text{H}_{12}\text{O}_6$ và 18%.

D. $\text{C}_{12}\text{H}_{22}\text{O}_{11}$

và 18%.

Câu 146. Đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp gồm anđehit fomic, axit axetic, glucozơ, glixerol thu được 29,12 lit CO_2 (đktc) và 27 gam H_2O . Phần trăm về khối lượng của glixerol trong hỗn hợp có giá trị là

A. 35,1%

B. 23,4%

C. 43,8%

D. 46,7%

Họ tên học sinh:SBD:Lớp: 12A...

Học sinh giải các bài toán hay trả lời ngắn gọn các câu hỏi vào các dòng trống tương ứng của từng câu (Nhớ ghi rõ đơn vị các đại lượng đã tính).

Đáp án mã đề: 148

01. ; - - -	33. - - - ~	65. ; - - -	97. - / - -
02. ; - - -	34. ; - - -	66. - / - -	98. - / - -
03. - - - ~	35. - - - ~	67. - - - ~	99. ; - - -
04. - / - -	36. - - - ~	68. - - - ~	100. - - = -
05. - - - ~	37. ; - - -	69. - - = -	101. - - - ~
06. - - = -	38. - - = -	70. - - = -	102. - - - ~
07. - - - ~	39. - - - ~	71. ; - - -	103. - / - -
08. ; - - -	40. ; - - -	72. - - = -	104. - / - -
09. ; - - -	41. - - - ~	73. ; - - -	105. - / - -
10. - - = -	42. ; - - -	74. - - = -	106. - / - -
11. - - - ~	43. - - = -	75. ; - - -	107. - - = -
12. - - = -	44. - - = -	76. - - = -	108. - - - ~
13. ; - - -	45. - / - -	77. - / - -	109. ; - - -
14. - / - -	46. - - - ~	78. - - - ~	110. - - = -
15. - / - -	47. - - - ~	79. - - = -	111. - - - ~
16. - - - ~	48. - - - ~	80. - / - -	112. - - - ~
17. - - = -	49. - - = -	81. - / - -	113. - / - -
18. - / - -	50. - / - -	82. - - - ~	114. - - = -
19. - - - ~	51. - - - ~	83. ; - - -	115. - / - -
20. - - - ~	52. - - = -	84. ; - - -	116. - / - -
21. - - = -	53. ; - - -	85. - / - -	117. ; - - -
22. - - - ~	54. ; - - -	86. - - - ~	118. - / - -
23. - - = -	55. - - - ~	87. - / - -	119. - - - ~
24. ; - - -	56. - / - -	88. - / - -	120. - - - ~

- | | | | |
|-------------|-------------|-------------|--------------|
| 25. - / - - | 57. - - = - | 89. - / - - | 121. - - - ~ |
| 26. - - = - | 58. - - - ~ | 90. ; - - - | 122. - / - - |
| 27. ; - - - | 59. - - - ~ | 91. - - - ~ | 123. - / - - |
| 28. - / - - | 60. - / - - | 92. - - - ~ | 124. |
| 29. - - = - | 61. - / - - | 93. - - - ~ | 125. |
| 30. ; - - - | 62. - - = - | 94. - / - - | |
| 31. - - - ~ | 63. - - = - | 95. ; - - - | |
| 32. - - = - | 64. ; - - - | 96. ; - - - | |

hoc360.net